

PHỤ LỤC SỐ 02

QUY ĐỊNH DANH MỤC, MỨC THU CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, PHỔ THÔNG VÀ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO CÔNG LẬP KHÁC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG TỪ NĂM HỌC 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2024/NQ - HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Các khoản thu quy định mức cụ thể			
1	Thi khảo sát chất lượng học sinh cuối cấp THPT, GDTX chương trình THPT do Sở GDĐT tổ chức	đồng/học sinh/môn thi	40,000	
2	Thi khảo sát chất lượng học sinh cuối cấp THCS do Phòng GDĐT tổ chức	đồng/học sinh/môn thi	32,000	
3	Tiền bằng tốt nghiệp của học sinh THCS (nằm trong mức thu học phí của học sinh)	đồng/học sinh	10,000	Khoản thu này được trích từ nguồn thu học phí của học sinh để chuyển nộp về Sở Giáo dục và Đào tạo dùng mua phôi và hoàn thiện bằng tốt nghiệp (Học sinh không phải nộp khoản thu này)
4	Tiền giấy in đề, bằng tốt nghiệp của học sinh THPT, GDTX chương trình THPT (nằm trong mức thu học phí của học sinh)	đồng/học sinh	12,000	
5	Học phẩm phục vụ các kỳ thi, kiểm tra đánh giá học sinh (giấy thi, giấy nháp, phôi to đề thi...) tại các cơ sở giáo dục phổ thông	đồng/học sinh/năm học	70,000	
II	Các khoản thu quy định mức tối đa (các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi tiết thu, chi; xác định mức thu để thỏa thuận với cha mẹ học sinh về việc thu đảm bảo thu đủ bù chi, không vượt mức quy định dưới đây)			
1	Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non công lập vào ngày nghỉ, ngày hè, ngoài giờ hành chính (trông trẻ thứ 7; trông trẻ trong hè; đón sớm, trả muộn)			
	+ Ngày thứ 7 (chỉ cho giáo viên trực tiếp giảng dạy, cán bộ quản lý, nhân viên; chi tiền điện, nước, văn phòng phẩm)	đồng/học sinh/ngày	46,000	
	+ Ngày hè (đã bao gồm trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, ngoài giờ, quản lý)	đồng/học sinh/giờ	5,000	
	+ Đón sớm, trả muộn (trong năm học)	đồng/học sinh/giờ	10,000	
2	Dịch vụ bán trú			
2.1	Tiền ăn sáng của trẻ mầm non bao gồm tiền ăn, phụ phí, công quản lý, nấu ăn, phục vụ (nếu có)	đồng/học sinh/ngày	12,000	
2.2	Tiền ăn (nhà trẻ: 2 bữa chính, 1 bữa phụ; mẫu giáo: 1 bữa chính, 1 bữa phụ; Tiểu học, THCS: 1 bữa chính, 1 bữa phụ)			

	+ Mâm non, Tiểu học	đồng/học sinh/ngày	23,000	
	+ THCS (nếu có)	đồng/học sinh/ngày	25,000	
2.3	Phụ phí (chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)			
	+ Mâm non, THCS (nếu có)	đồng/học sinh/tháng	65,000	
	+ Tiểu học	đồng/học sinh/tháng	45,000	
2.4	Chăm sóc, phục vụ bán trú (trà người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý)			
	+ Mâm non, THCS (nếu có)	đồng/học sinh/tháng	255,000	
	+ Tiểu học	đồng/học sinh/tháng	200,000	
2.5	Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh (trẻ) bán trú lần đầu (từ thời điểm ăn bán trú đến hết khóa học)	đồng/học sinh	200,000	
3	Dịch vụ tin nhắn, số liên lạc điện tử	đồng/học sinh/tháng	10,000	
4	Vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh trong các cơ sở giáo dục (bao gồm tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn)	đồng/học sinh/tháng	20,000	
III	Các khoản thu không quy định mức thu, mức trần			
1	Tiền điện điều hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh.	đồng/học sinh/tháng	Theo thực tế số điện năng sử dụng	

1. Đối với những khoản thu để chi tiền lương, tiền công được tính toán theo mức lương cơ sở 1.800.000đ hoặc mức lương tối thiểu vùng 4.160.000 sẽ được điều chỉnh với tỷ lệ tương ứng khi tiền lương được điều chỉnh theo quy định của Nhà nước.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG